

Bản án số: 227/2019/DS-ST

Ngày: 15-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Bà Huỳnh Thị Thê Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2018/TLST-DS, ngày 03-12-2018 tranh chấp dân sự về “*hợp đồng góp hui*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Các nguyên đơn:

- Bà Ngô Thị Mỹ H, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: số nhà 697, tổ 9, ấp Long H2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: số nhà 697, tổ 9, ấp Long H2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang, ủy quyền cho anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp Phú HA, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: số nhà 697, tổ 9, ấp Long H2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Phú Thị Kim S, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: tổ 7, ấp Long H2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị C (tư Cám), sinh năm 1956;

- Bà Lê Thị M(Bích), sinh năm 1964;

- Ông Lê Phương Tr (Trang thuốc Tây), sinh năm 1972;

-. Ông Nguyễn Văn Q (5 Quan), sinh năm 1950;

- Bà Trần Thị Kim Q (7 Quyên), sinh năm 1968;
- Bà Nguyễn Thị E (Dì út cải), sinh năm 1963;
- Bà Nguyễn Thị Lệ T (3 Thủy), sinh năm 1963;
- Chị Lâm Thị Tú Tr, sinh năm 1979;
- Chị Nguyễn Thị Ngọc H (vợ Trung), sinh năm 1988;
- Anh Dương Thị Kim H, sinh năm 1985;
- Bà Phan Thị G (Kiếm Hiệp), sinh năm 1956;
- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973;
- Bà Nguyễn Thị M (5 mạn), sinh năm 1955;
- Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1984;
- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985;

Các đương sự cùng cư trú tại ấp Long H2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Bà H, chị N, anh K, chị Kim S và bà C có mặt; riêng những người làm chứng khác có đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Ngô Thị Mỹ H trình bày: Do chỗ quen biết với nhau nên bà Phú Thị Kim S có tổ chức các dây hội và làm chủ hội, bà có tham gia vào 02 dây hội do bà Kim S mở cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1: Khai hội vào ngày 29-9-2016 âl, loại hội 1.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, có 25 phần hội, bà tham gia 01 phần theo danh sách hội số thứ tự số 18 (chị H), châu hội sống đến lần thứ 22 thì ngưng do chủ hội tuyên bố vỡ hội. Những lần bà châu số tiền vốn gồm:

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 1. Lần 1 châu: 730.000 đồng | 12. Lần 12 châu: 870.000 đồng |
| 2. Lần 2 châu: 720.000 đồng | 13. Lần 13 châu: 930.000 đồng |
| 3. Lần 3 châu: 740.000 đồng | 14. Lần 14 châu: 910.000 đồng |
| 4. Lần 4 châu: 680.000 đồng | 15. Lần 15 châu: 870.000 đồng |
| 5. Lần 5 châu: 740.000 đồng | 16. Lần 16 châu: 900.000 đồng |
| 6. Lần 6 châu: 850.000 đồng | 17. Lần 17 châu: 900.000 đồng |
| 7. Lần 7 châu: 895.000 đồng | 18. Lần 18 châu: 920.000 đồng |
| 8. Lần 8 châu: 875.000 đồng | 19. Lần 19 châu: 930.000 đồng |
| 9. Lần 9 châu: 875.000 đồng | 20. Lần 20 châu: 940.000 đồng |
| 10. Lần 10 châu: 870.000 đồng | 21. Lần 21 châu: 950.000 đồng |
| 11. Lần 11 châu: 850.000 đồng | 22. Lần 22 châu: 950.000 đồng |

Tổng cộng bà châu số tiền hội vốn là 18.895.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Khai hội vào ngày 20-11-2016 âl, loại hội 2.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, có 25 phần hội, bà tham gia 01 phần theo danh sách hội số thứ tự

số 03 (chị H), châu hội sống đến lần thứ 20 thì ngưng do chủ hội tuyên bố vỡ hội. Những lần bà châu số tiền vốn gồm:

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Lần 1 châu: 1.570.000 đồng | 12. Lần 12 châu: 1.600.000 đồng |
| 2. Lần 2 châu: 1.600.000 đồng | 13. Lần 13 châu: 1.600.000 đồng |
| 3. Lần 3 châu: 1.505.000 đồng | 14. Lần 14 châu: 1.610.000 đồng |
| 4. Lần 4 châu: 1.590.000 đồng | 15. Lần 15 châu: 1.720.000 đồng |
| 5. Lần 5 châu: 1.590.000 đồng | 16. Lần 16 châu: 1.740.000 đồng |
| 6. Lần 6 châu: 1.575.000 đồng | 17. Lần 17 châu: 1.800.000 đồng |
| 7. Lần 7 châu: 1.585.000 đồng | 18. Lần 18 châu: 1.850.000 đồng |
| 8. Lần 8 châu: 1.680.000 đồng | 19. Lần 19 châu: 1.850.000 đồng |
| 9. Lần 9 châu: 1.640.000 đồng | 20. Lần 20 châu: 1.840.000 đồng |
| 10. Lần 10 châu: 1.630.000 đồng | |
| 11. Lần 11 châu: 1.635.000 đồng | |
- Tổng cộng số tiền hội vốn châu là 33.210.000 đồng

Tổng cộng 02 dây hội trên với số tiền hội vốn bà châu cho bà Kim S là 18.895.000 đồng + 33.210.000 đồng = 52.105.000 đồng. Nay bà yêu cầu Kim S trả ngay số tiền hội vốn 52.105.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh. Phần còn lại trước đây yêu cầu khởi kiện thì rút lại không yêu cầu.

- Anh Nguyễn Tuấn K đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh P trình bày: Do chỗ quen biết với nhau nên bà Phú Thị Kim S có tổ chức các dây hội và làm chủ hội, anh P có tham gia vào 01 dây hội do Kim S mở cụ thể như sau: Dây khui hội vào ngày 20-11-2016 ã, loại hội 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, có 25 phần hội, anh Phong tham gia 01 phần theo danh sách hội số thứ tự số 17 (Thanh Long), châu hội sống đến lần thứ 20 thì ngưng do chủ hội tuyên bố vỡ hội. Những lần anh P châu số tiền vốn gồm:

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Lần 1 châu: 1.570.000 đồng | 12. Lần 12 châu: 1.600.000 đồng |
| 2. Lần 2 châu: 1.600.000 đồng | 13. Lần 13 châu: 1.600.000 đồng |
| 3. Lần 3 châu: 1.505.000 đồng | 14. Lần 14 châu: 1.610.000 đồng |
| 4. Lần 4 châu: 1.590.000 đồng | 15. Lần 15 châu: 1.720.000 đồng |
| 5. Lần 5 châu: 1.590.000 đồng | 16. Lần 16 châu: 1.740.000 đồng |
| 6. Lần 6 châu: 1.575.000 đồng | 17. Lần 17 châu: 1.800.000 đồng |
| 7. Lần 7 châu: 1.585.000 đồng | 18. Lần 18 châu: 1.850.000 đồng |
| 8. Lần 8 châu: 1.680.000 đồng | 19. Lần 19 châu: 1.850.000 đồng |
| 9. Lần 9 châu: 1.640.000 đồng | 20. Lần 20 châu: 1.840.000 đồng |
| 10. Lần 10 châu: 1.630.000 đồng | |
| 11. Lần 11 châu: 1.635.000 đồng | |
- Tổng cộng số tiền hội vốn châu là 33.210.000 đồng

Nay yêu cầu bà Kim S trả ngay số tiền vốn hội là 33.210.000 đồng cho anh Nguyễn Thanh P, không yêu cầu tính lãi phát sinh. Phần còn lại trước đây yêu cầu khởi kiện thì rút lại không yêu cầu.

- Chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Do chỗ quen biết với nhau nên bà Phú Thị Kim S có tổ chức các dây hội và làm chủ hội, chị có tham gia vào 01 dây hội do Kim

S mở cụ thể như sau: Dâyhui vào ngày 20-11-2016 ă, loại hui 2.000.000 đđng, tháng hui 01 lần, có 25 phần hui, chỉ tham gia 01 phần theo danh sách hui số thứ tự số 04 (Dung), châu hui sống đến lần thứ 20 thì ngưng do chủ hui tuyên bố vỡ hui. Những lần chỉ châu số tiền vốn gồm:

- | | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Lần 1 châu: 1.570.000 đđng | 12. Lần 12 châu: 1.600.000 đđng |
| 2. Lần 2 châu: 1.600.000 đđng | 13. Lần 13 châu: 1.600.000 đđng |
| 3. Lần 3 châu: 1.505.000 đđng | 14. Lần 14 châu: 1.610.000 đđng |
| 4. Lần 4 châu: 1.590.000 đđng | 15. Lần 15 châu: 1.720.000 đđng |
| 5. Lần 5 châu: 1.590.000 đđng | 16. Lần 16 châu: 1.740.000 đđng |
| 6. Lần 6 châu: 1.575.000 đđng | 17. Lần 17 châu: 1.800.000 đđng |
| 7. Lần 7 châu: 1.585.000 đđng | 18. Lần 18 châu: 1.850.000 đđng |
| 8. Lần 8 châu: 1.680.000 đđng | 19. Lần 19 châu: 1.850.000 đđng |
| 9. Lần 9 châu: 1.640.000 đđng | 20. Lần 20 châu: 1.840.000 đđng |
| 10. Lần 10 châu: 1.630.000 đđng | |
| 11. Lần 11 châu: 1.635.000 đđng | |
- Tổng cộng số tiền hui vốn châu là 33.210.000 đđng

Nay yêu cầu bà Kim S trả ngay số tiền vốn hui là 33.210.000 đđng, không yêu cầu tính lãi phát sinh. Phần còn lại trước đây yêu cầu khởi kiện thì rút lại không yêu cầu.

Bị đơn chị Phú Thị Kim S trình bày: từ trước đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên đi làm ă xa, đối với lời trình bày của các nguyên đơn bà H, anh K đại diện anh P và chị N về việc tham gia các dâyhui nêu trên do bà trước đây làm chủ hui, thống nhất số tiền hui vốn do các nguyên đơn châu nhưng không đồng ý yêu cầu trả ngay do hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có tiền trả ngay cho các nguyên đơn, chỉ có khả năng trả mỗi tháng 500.000 đđng cho mỗi nguyên đơn đến hết số tiền yêu cầu. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ ăn cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng các người làm chứng có đề nghị vắng mặt theo quy định pháp luật. Về nội dung: các nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ H; đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh P; chị Nguyễn Thị Kim N và chị Phú Thị Kim S tại phiên tòa thống nhất với số tiền hui vốn còn nợ, không có yêu cầu xem xét điều chỉnh liên quan đến số tiền lãi hui trong các dâyhui; nhưng chưa thống nhất cách thức trả nợ với nhau và các nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với chị Kim S. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ăN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ ăn được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1} Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà Ngô Thị Mỹ H; anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu chị Phú Thị Kim S trả tiền hội được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

{1.2} Giao dịch dân sự giữa các bên kết thúc vào thời điểm năm 2018, vì vậy đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

{1.3} Về thủ tục tố tụng: Ngày 16-5-2019 Tòa án quyết định nhập vụ án số 271/2018/TLST-DS ngày 03-12-2018 và vụ án số 272/2018/TLST-DS ngày 03-12-2018 vào vụ án số 273/2018/TLST-DS ngày 03-12-2018 theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung vụ án:

{2.1} Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng góp hội được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa và lời khai của các nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ H; đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh P; chị Nguyễn Thị Kim N và chị Phú Thị Kim S thống nhất việc tham gia xác lập giao dịch hợp đồng góp hội với nhau; số lần ngưng góp hội của chủ hội; xác định những lần bỏ hội vốn khi hốt; số tiền vốn góp hội của các nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa bà H, anh K đại diện anh P và chị N yêu cầu trả ngay số tiền hội này, chị Phú Thị Kim S thì đồng ý trả số tiền hội vốn cho các nguyên đơn nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả ngay nên yêu cầu trả 500.000 đồng cho mỗi nguyên đơn cho đến hết số tiền hội nợ.

Xét, các bên giao dịch đã kết thúc và các nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu số tiền hội vốn còn nợ, không có yêu cầu xem xét điều chỉnh liên quan đến số tiền lãi hội trong các dây hội cho nên nghĩa vụ của chủ hội phải giao tiền đầy đủ khi các hội viên bỏ hốt theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ và khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu bà H, anh P và chị N buộc chị Phú Thị Kim S trả số tiền vốn hội cụ thể:

- Trả cho bà Ngô Thị Mỹ H số tiền vốn hội 52.105.000 đồng.
- Trả cho anh Nguyễn Thanh P số tiền vốn hội 33.210.000 đồng
- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền vốn hội 33.210.000 đồng

{2.2} Các nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với bà Kim S đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, anh P và chị N.

{3} Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên bà H, anh P và chị N không phải chịu án phí. Vì vậy bị đơn chị Phú Thị Kim S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 217; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 và 471 Bộ luật dân sự; Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mỹ H; anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Kim N đối với chị Phú Thị Kim S.

Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ H; anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Thị Kim N. Buộc chị Phú Thị Kim S trả cho bà Ngô Thị Mỹ H số tiền hội vốn 52.105.000 đồng (Năm mươi hai triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng); trả cho anh Nguyễn Thanh P số tiền hội vốn 33.210.000 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm mười nghìn đồng) và trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền hội vốn 33.210.000 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phú Thị Kim S chịu án phí 5.926.000 đồng (Năm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Ngô Thị Mỹ H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng theo biên lai thu số 0007198, ngày 29-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007197, ngày 29-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

- Chị Nguyễn Thị Kim N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000đồng theo biên lai thu số 0007196, ngày 29-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: bà Ngô Thị Mỹ H; anh Nguyễn Thanh P; chị Nguyễn Thị Kim N và chị Phú Thị Kim S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận